TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2020/DS-PT
Ngày: 25- 5- 2020
V/v chia tài sản chung là quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết.

Các thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Xuân Thạo. 2. Ông Nguyễn Hải Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang:

Ông Lương Thất Tùng, Kiểm sát viên.

Do bản án sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Z có kháng cáo.

Ngày 25 tháng 5 năm2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLPT-DS ngày12 tháng 02 năm 2020 về "chia tài sản chung là quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51 /2020/QĐPT-DS ngày 23 tháng 03 năm 2020, Thông báo hoãn thời gian mở phiên tòa số 91 ngày 01/4/2020, Thông báo tiếp tục mở phiên tòa số 123 ngày 22/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55 ngày 08/5/2020 giữa các đương sự:

*****Nguyên đơn****:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bắc Giang.

*****Bị đơn****:* Ông Phạm Văn H (Phạm X), sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

*****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan****:*

-Bà Trần Thị M, sinh năm 1957 (vắng mặt).

-Anh Phạm Văn N, sinh năm 1977(vắng mặt).

-Anh Phạm Xuân K, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cúng địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Chị Phạm Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Chị Phạm Thị N, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện theo ủy quyền của bà M, anh N, anh K, chị H, chị N: Ông Phạm Văn H (Phạm X), sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang theo văn bản ủy quyền ngày 01/5/2019(có mặt).

-Chị Phạm Thu H, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang: Do bà Nguyễn Thị N – Chuyên viên phòng Tài nguyên và môi trường huyện L, tỉnh Bắc Giang đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2019,các lời khai tiếp theo, tại Phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày:

Năm 1983 bà kết hôn với ông Phạm Văn H và về chung sống tại thôn K, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Năm 1992 do bà có hộ khẩu tại đây nên thôn K và UBND xã V có chia ruộng cho nhân dân trong thôn, bà được chia một xuất ruộng là 3 sào (1080m^2) tại thôn K, xã V. Khi chia ruộng anh trai chồng bà là ông Phạm Văn H đứng ra nhận ruộng cho bà và kê khai nên định suất đất nông nghiệp của bà được Nhà nước chiachung vàohộ của ông H. Tổng diện tích đất nông nghiệp vào năm 1992 hộ ông H được chia 7.616m^2, những người được chia theo định suất gồm vợ chồng ông H, 04 con ông H và bà, mỗi người tương đương khoảng 3 sào (1080m^2). Vào năm 1999 Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo QĐ số 543/QĐ-CT ngày 15/11/1999 đứng tên ông H làm chủ hộ. Sau khi được chia ruộng do bà con nhỏ nên ông H có nói là giao diện tích đất ruộng bà được chia để ông H cho đấu thầu lấy sản nuôi con nên bà đồng ý. Năm 2002 sau khi con bà lớn bà đã yêu cầu ông H chia ruộng để cho bà sử dụng nhưng ông H không đồng ý. Từ khi sử dụng ruộng của bà, ông H đưa cho bà một lần tiền sản là 600.000đ. Năm 2014 Nhà nước có chính sách dồn điền đổi thửa lại, từ diện tích ruộng được chia năm 1992, đất ruộng của hộ ông H (trong đó có định suất ruộng của bà) được chia dồn lại thành 4 phiếu, tổng diện tích 8.548m^2 gồm khu ruộng phiếu 1: diện tích 1,716m^2 (khu Ao Từ); phiếu 2: diện tích 3.010m^2 (Mẫu Sáu, Đồng Giành); phiếu 3: diện tích 1477m^2 (Đồng Bến); phiếu 4: diện tích 2345m^2 (Cửa Hàng, Đội Giống). Nay kết quả đo thực tế tổng diện tích 8.500,5 m^{2}gồm khu ruộng phiếu 1: diện tích 1,720m^2 (khu Ao Từ); phiếu 2: diện tích 3007m^2 (Mẫu Sáu, Đồng Giành); phiếu 3: diện tích 1452,4m^2 (Đồng Bến); phiếu 4: diện tích 2321,1m^2 (Cửa Hàng, Đội Giống). Năm 2017 do đã đòi ruộng nhiều lần nhưng ông H không trả lại ruộng nên bà đã làm đơn

lên UBND xã để đề nghị giải quyết nhưng ông H cũng không trả ruộng. Việc đóng thuế, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước đối với định suất ruộng của bà là do ông H đóng vì ông H sử dụng và cho người khác đấu thầu ruộng của bà. Trong thời gian ông H sử dụng ruộng của bà cho đấu thầu để thu sản bà không yêu cầu gì. Nay bà đề nghị ông Phạm Văn H chia cho bà phần định suất đất nông nghiệp bà được Nhà nước chia, **bà chỉ yêu cầu** diện tích (**1080**m^2) tại thôn K, xã V, vị trí ruộng chia cho bà ruộng ở vị trí nào là theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại Phiên tòa bị đơn, ông Phạm Văn H(Phạm Xuân H) trình bày:

Vào khoảng năm 1984 bà Đỗ Thị T lấy em trai ông là Phạm Văn H và về làm dâu ở cùng bố mẹ đẻ của ông tại Thôn K, xã V. Đến năm 1992 Nhà nước có chính sách chia ruộng, thôn lập danh sách lên có tên bà Tđược chia ruộng, đến năm 1993 bà T về quê ở nhưng do ông đứng ra trình bày nhận ruộng hộ bà Tđể cho bà Tkhông mất quyền lợi nên Nhà nước chia suất ruộng của bà T vào trong hộ gia đình nhà ông như lời trình bày của bà T là đúng. Năm 2014 Nhà nước có chính sách dồn điền đổi thửa lại, từ diện tích ruộng được chia năm 1992, đất ruộng của hộ ông H (trong đó có định suất ruộng của bà) được chia dồn lại thành 4 phiếu đúng như kết quả đo thực tế hiện nay tổng diện tích 8.500,5 m^2gồm khu ruộng phiếu 1: diện tích 1,720m^2 (khu Ao Từ); phiếu 2: diện tích 3007m^2 (Mẫu Sáu, Đồng Giành); phiếu 3: diện tích 1452,4m^2 (Đồng Bến); phiếu 4: diện tích 2321,1m^2 (Cửa Hàng).

Sau khi được chia ruộng gia đình ông sử dụng, bà Tkhông sử dụng ruộng cũng không trông nom quản lý, mọi chính sách với Nhà nước là do gia đình nhà ông đóng góp. Vào năm 1999 trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông có trao đổi với em trai ông (chồng bà Th) là ruộng của bà T được chia ông không gánh vác được và định trả lại nhưng do chồng bà T nói, gia đình ông đông khẩu cứ sử dụng ruộng của bà Th. Nay quan điểm của ông đất ruộng của bà T sẽ cho đấu thầu được bao nhiêu tiền thì ông sẽ trả cho bà Th, ông không đồng ý với yêu cầu của bà T đòi chia diện tích đất nông nghiệp 1080m^2 tại thôn K, xã V và không có yêu cầu chia tài sản chung đất nông nghiệp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- bà Trần Thị M, chị Phạm Thị H; anh Phạm Văn N; anh Phạm Xuân K; chị Phạm Thị N đều thống nhất quan điểm trên của ông H.

- chị Phạm Thu H, chị Phạm Thị Thu H đều trình bày không có yêu cầu quyền lợi gì với diện tích đất nông nghiệp của bà Đỗ Thị T yêu cầu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Z do bà Nguyễn Thị Nhất đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thực hiện Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ về ban hành quy định về việc giao đất nông nghiệp cho các hộ gia đình cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích nông nghiệp, UBND tỉnh Bắc Giang (trước là tỉnh Hà Bắc) chia đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân theo định xuất. Tùy thuộc vào tổng diện tích đất nông nghiệp và nhân khẩu trên địa bàn thôn, xã mà có định xuất cụ thể. Thực hiện chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện, năm 1999 triển khai việc kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp theo định xuất đã chia ruộng năm 1993 tại xã Vũ Xá theo quyết định số 53/QĐ-CT(H)ngày 15/11/1999, trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phạm Văn H(Phạm Xuân H) với tổng diện tích đất được chia là 7.616m^2 (theo định xuất). Đến năm 2014, thực hiện chính sách dồn điền, đổi thửa trên địa bàn xã V. Dựa theo số định xuất đã chia năm 1993, được cấp GCNQSD đất năm 1999. Tổng diện tích được chia lại theo phiếu của hộ ông H là 8.548m^2, đo thực tế 8.500,5 m^2là do sai số đo đạc. Trong trường hợp Tòa án điều tra, xác minh nếu diện tích đất nông nghiệp hộ ông H được giao trong đó có định suất giao cho bà Tthì người sử dụng đất (bà Th) có đầy đủ các quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật. UBND huyện chưa ban hành Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H để cấp đổi lại theo kết quả dồn điền, đổi thửa nhưng hiện nay các thửa đất này đã được giao ruộng thực địa và đang thực hiện cấp GCNQSD đất sau dồn điền, đổi thửa. Vì vậy UBND huyện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Z căn cứ vào kết quả dồn điền đổi thửa của hộ ông H để giao tài sản cho người được quyền sử dụng.

Tại biên bản xác minh ngày 16/7/2019, UBND xã Vũ Xá cung cấp: Vào năm 1993 hộ gia đình ông Phạm Văn H(Phạm Xuân H) được Nhà nước chia đất nông nghiệp, do gia đình thống nhất và căn cứ vào đề nghị, đăng ký của ông H nên định suất ruộng của bà T chia vào hộ ông H với diện tích chia năm 1993 và diện tích sau dồn điền đổi thửa trên là đúng. Khi chia ruộng năm 1993 mỗi người được tương đương khoảng 3 sào (1080m^2), những người được chia ruộng trong hộ ông H gồm ông H, bà M, chị H, anh N, anh Kh, chị Nh và bà Th. Trong 04 xuất ruộng của gia đình ông H hiện nay ruộng đẹp nhất là phiếu số phiếu 2: diện tích 3007m^2 (Mẫu Sáu, Đồng Giành), sau đến phiếu 3: diện tích 1452,4m^2 (Đồng Bến), phiếu 4: diện tích 2321,1m^2 (Cửa Hàng) và cuối cùng là phiếu số 1: diện tích 1,720m^2 (khu Ao Từ).

Kết quả định giá tài sản vào ngày 16/7/2019, đất nông nghiệp đang tranh chấp có trị giá 70.000đồng/1m^2.

Với nội dung trên, Tòa án sơ thẩm đã xử: Căn cứ vàoĐiều 229; Điều 230; Điều 232; Điều 238; Điều 690 Bộ luật dân sự 1995; Điều 20 Luật đất đai năm 1995; Điều 131 Luật đất đai năm 2014; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều147Bộluậttốtụngdân sự; điểm b, khoản 2 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T:

Xác nhận diện tích đất nông nghiệp 8.500,5m^{2}tại thôn K, xã V, huyện Z, tỉnh Bắc Giang là tài sản chung của ông Phạm Văn H(Phạm Xuân H), bà Trần Thị Mích, chị Phạm Thị Hà, anh Phạm Văn Nam, anh Phạm Xuân K, chị Phạm Thị Nh, bà Đỗ Thị T.

Giao cho bà Đỗ Thị T diện tích đất nông nghiệp1080m^{2}tại khu Cửa Hàng, thôn K, xã V, huyện Z, tỉnh Bắc Giang, có các cạnh từ 1-2 dài 18,12m; từ 2-7 dài 67,05m; từ 7-8 dài 15,95; từ 8-1 dài 61,63m (Phía Bắc, phía Nam giáp Mương; Phía Tây giáp đất anh Đỗ Văn Đ; Phía Đông giáp phần đất còn lại gia đình ông Phạm Văn H, có sơ đồ kèm theo).

2.Về án phí: Bà Đỗ Thị T phải chịu 3.780.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận bà Đỗ Thị T đã nộp 2.500.000đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003815 ngày 04/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Z, tỉnh Bắc Giang. Bà Tphải nộp thêm 1.280.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông H Vẫn thừa nhận hộ gia đình ông gồm 07 định xuất đất nông nghiệp, trong đó có 01 định xuất của bà Đỗ Thị T, hiện tại vẫn do ông quản lý sử dụng và gia đình ông cũng thực hiện các nghĩa vụ sử dụng đất với địa phương, hiện nay toàn bộ diện tích đất nông nghiệp này đã cho đấu thầu, nếu bà Trút đơn khởi kiện thì gia đình ông đồng ý khi đấu thầu được bao nhiêu tiền thì ông sẽ có trách nhiệm trả cho bà Tbằng tiền hoặc bằng thóc theo định xuất của bà Th; còn việc bà Tvẫn yêu cầu đòi lại đất theo định xuất thì ông không đồng ý trả và tách diện tích đất theo định suất cho bà Th.

Bà Tkhông rút kháng cáo và vẫn yêu cầu đòi lại diện tích đất nông nghiệp theo định xuất của bà có trong hộ ông H từ những năm 1992, 1993 và đã được dồn điền đổi thửa năm 2014 của địa phương. Theo mỗi định xuất thực tế hiện nay của hộ ông H thì tổng diện tích là 8.500,5 m2/7 định xuất = 1.214m2 nhưng bà T chỉ yêu

cầu đòi lại diện tích = 1.080m2 đất nông nghiệp tại thôn K (nay là Thôn G), xã V, huyện Z.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên toà Thẩm phán và Thư ký Toà án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại Phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự đều chấp hành các quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử; Áp dụng: khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 32 của Tòa án nhân dân huyện Z.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, xét kháng cáo của ông Phạm Văn Hương; Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào lời khai bà Th, ông H, qua xác minh tại địa phương có đầy đủ chứng cứ xác định vào năm 1993 do bà Đỗ Thị T có hộ khẩu tại thôn K, xã V, huyện Z, tỉnh Bắc Giang nên đã được Nhà nước chia đất nông nghiệp nằm cùng trong hộ của ông H vì vậy trong tổng diện tích đất nông nghiệp diện tích 7.616m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo QĐ số 543/QĐ-CT ngày 15/11/1999 đứng tên hộ ông Phạm Văn H có định suất đất nông nghiệp của bà T được chia. Năm 2014, thực hiện chính sách dồn điền, đổi thửa trên địa bàn xã V, dựa theo diện tích đất nông nghiệp đã chia năm 1993, hộ ông H khi sau dồn điền, đổi thửa lại được tổng diện tích 8.548m^2, kết quả đo đạc thực tế 8.500,5 m^2, gồm khu ruộng phiếu 1: diện tích 1,720m^2 (khu Ao Từ); phiếu 2: diện tích 3007m^2 (Mẫu Sáu, Đồng Giành); phiếu 3: diện tích 1452,4m^2 (Đồng Bến); phiếu 4: diện tích 2321,1m^2 (Cửa Hàng).Như vậydiện tích đất nông nghiệp 8.500,5 m^2 tại thôn K, xã V do các bên tự thỏa thuận xác lập quyền sở hữu chung hợp nhất theo Điều 229; Điều 230; Điều 232; Điều 690 Bộ luật dân sự 1995, các đồng sử dụng gồm có ông H, bà M (vợ ông H), 04 con ông H: chị Phạm Thị H; anh Phạm Văn N; anh Phạm Xuân K; chị Phạm Thị Nh và bà Th, mỗi người được quyền sử dụng diện tích đất nông nghiệp là 1.214m^2. Bà Tđã nhiều lần yêu cầu gia đình ông H phải tách chia phần định suất nông nghiệp mà bà được giao nhưng gia đình ông H không đồng ý. Nay bà đề nghị Tòa án buộc ông H chia trả cho bà Tdiện tích đất nông nghiệp (1080m^2) tại thôn K, xã V, vị trí ruộng chia cho bà ruộng ở vị trí nào là theo quy định pháp luật, xét thấy yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 238 Bộ luật dân sự 1995 *" Trong trường hợp sở hữu chung có thể phân chia, thì mỗi chủ sở hữu*

*chung đều có quyền yêu cầu chia tài sản chung; nếu các chủ sở hữu chung đã thoả thuận không phân chia tài sản chung trong một thời hạn, thì mỗi chủ sở hữu chung chỉ có quyền yêu cầu chia tài sản chung khi hết thời hạn đó; khi tài sản chung không thể chia được bằng hiện vật, thì được trị giá thành tiền để chia".*Hiện tổng diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông H 8.500,5 m^2, phần của bà Tđược hưởng 1/7 của diện tích 8.500,5 m^2tức = 1.214m^2đất nông nghiệp nhưng bà Tchỉ yêu cầu chia diện tích đất nông nghiệp 1080m^2tại thôn K, xã V.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, Giao cho bà Đỗ Thị T diện tích đất nông nghiệp 1080m^2 thuộc phiếu 4, tại khu Cửa Hàng, thôn K, xã V, huyện Z, tỉnh Bắc Giang có trị giá 75.600.000đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên; trong phần Quyết định của bản án mặc dù đã được sửa chữa, bổ sung theo quyết định số 12 ngày 11/11/2019 về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa, nhưng tòa sơ thẩm không tuyên về quyền thi hành án của các bên đương sự là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

Về án phí phúc thẩm: ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308, Điều 148 – BLTTDS. Không chấp nhận kháng cáo của Ông Phạm Xuân H, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Căn cứ vàoĐiều 229; Điều 230; Điều 232; Điều 238; Điều 690 Bộ luật dân sự 1995; Điều 20 Luật đất đai năm 1995; Điều 131 Luật đất đai năm 2014;Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b,khoản 2 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

1. Chấp nhậnyêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T:

Xác nhận diện tích đất nông nghiệp 8.500,5m^2tại thôn K, xã V, huyện Z, tỉnh Bắc Giang là tài sản chung của ông Phạm Văn H(Phạm Xuân H), bà Trần Thị Mích, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn N, anh Phạm Xuân K, chị Phạm Thị Nh, bà Đỗ Thị T.

Giao cho bà Đỗ Thị T diện tích đất nông nghiệp1080m^2tại khu Cửa Hàng, thôn K, xã V, huyện Z, tỉnh Bắc Giang, có các cạnh từ 1-2 dài 18,12m; từ 2-7 dài 67,05m; từ 7-8 dài 15,95; từ 8-1 dài 61,63m (Phía Bắc, phía Nam giáp Mương; Phía Tây giáp đất anh Đỗ Văn Đ; Phía Đông giáp phần đất còn lại gia đình ông Phạm Văn H, có sơ đồ kèm theo).

2.Về án phí: Bà Đỗ Thị T phải chịu 3.780.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận bà Đỗ Thị T đã nộp 2.500.000đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số

0003815 ngày 04/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Z, tỉnh Bắc Giang. Bà Tphải nộp thêm 1.280.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Miễn án phí phúc thẩm cho ông Phạm Văn H.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Z;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết